

Bản án số: **190/2020/KDTM-PT**  
Ngày 30/9/2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Tuấn

**Các Thẩm phán:** Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Đinh Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 183/2020/TLPT-KDTM ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 459/2020/QĐ-PT ngày 17/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 535/2020/QĐ-PT ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ngân hàng S (gọi tắt là: Ngân hàng S).

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVD - Giám đốc Chi nhánh ĐA – Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông VVH – Phó phòng Kiểm soát rủi ro - Chi nhánh ĐA – Ngân hàng S. Địa chỉ: thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; có mặt

**-Bị đơn:** Ông NVH1, sinh năm 1968 và bà NTN, sinh năm 1968; ông H1 có mặt; bà N vắng mặt

Địa chỉ: Thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh NVH2 sinh năm 1990; vắng mặt

2. Chị NTH3, sinh năm 1991; vắng mặt

3. Cháu NBL, sinh năm 2012. Người đại diện theo pháp luật của cháu NBL là anh NVH2 và chị NTH3.

4. Cháu NBA, sinh năm 2013. Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bảo Anh là anh NVH2 và chị NTH3.

5. Anh NVS2, sinh năm 1994; có mặt

6. Chị NTH4, sinh năm 2000; vắng mặt

7. Cháu NAT, sinh năm 2019. Người đại diện theo pháp luật của cháu NAT là anh NVS2 và chị NTH4.

Cùng địa chỉ: Thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai, Ngân hàng S trình bày:***

Ngày 05/9/2018, Ngân hàng S và vợ chồng ông bà H1, N ký kết hợp đồng tín dụng số LD1824700135 với số tiền vay 3.600.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gỗ, đồ gỗ. Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên. Kỳ trả lãi ngày 10 hàng tháng.

Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông H1 bà N số tiền 3.600.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ:

+ Số 09 ngày 21/3/2019, số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 21/8/2019.

+ Số 10 ngày 10/4/2019, số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm,

thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 10/9/2019.

+ Số 11 ngày 24/4/2019, số tiền 850.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 24/9/2019.

+ Số 12 ngày 02/5/2019, số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 02/10/2019.

+ Số 13 ngày 04/6/2019, số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 04/11/2019.

+ Số 14 ngày 24/6/2019, số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Thời hạn trả nợ 23/11/2019.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng 261 m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn và tài sản gắn liền, tại địa chỉ thửa 45, tờ bản đồ số 3, thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 145507, vào sổ cấp GCN số 1820.QĐ-UBND.2011.CH.00020.2011, cấp cho ông H1. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 570/2015/HĐTC lập ngày 01/10/2015 tại Phòng công chứng số 05 thành phố Hà Nội, được sửa đổi bởi các văn bản: Số 01 công chứng số 369/2016/VBTT ngày 14/9/2016; Số 02 công chứng số 389/2018/VBTT ngày 06/9/2018. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện ĐA).

Kể từ ngày 10/8/2019, ông H1, bà N có khó khăn nên chậm trả nợ cho Ngân hàng và xin trả nợ dần nhưng từ đó đến nay không thực hiện. Ngân hàng yêu cầu ông H1, bà N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ tính đến hết ngày 28/4/2020 là nợ gốc 3.600.000.000 đồng, lãi trong hạn 296.988.923 đồng, lãi quá hạn 132.794.524 đồng. Tổng cộng: 4.029.783.447 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu ông H1, bà N phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Nếu ông H1, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay trên để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu ông H1, bà N phải chịu phí thi hành án và các chi phí phát sinh khác do các chi phí này chưa thực hiện và Ngân hàng chưa thống kê được nên tự nguyện xin rút đối với yêu cầu này.

***Ông H1 và bà N trình bày:***

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1, bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc của Tòa án và cũng không gửi văn bản phản hồi về nội dung khởi kiện của Ngân hàng.

Bà N có ý kiến: Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng bà với Ngân hàng S phải chờ chồng bà là ông H1 về để giải quyết, bà không ký nhận hay khai bất kỳ gì khác. Bà thừa nhận vợ chồng bà có nợ Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 3.600.000.000 đồng còn số tiền lãi thì bà chưa nhất trí.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NVH2, chị NTH3, anh NVS2, chị NTH4 (là con đẻ và con dâu ông H1, bà N): Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng họ không ký nhận, không gửi cho Tòa án các văn bản thể hiện ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc của Tòa án. Khi Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nhà để ghi lời khai của những người trên thì cũng không thể tiến hành ghi được lời khai của họ.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông H1 và bà N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”...*

*2. Buộc ông H1 và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến hết ngày 28/4/2020 là 4.029.783.447 (Bốn tỷ, không trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Ông H1 và bà N phải tiếp tục chịu lãi tính từ ngày 29/4/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận ...*

*3. Trường hợp ông H1 và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: 01 quyền sử dụng đất ở tại nông thôn và tài sản gắn liền tại địa chỉ thửa đất số 45 tờ bản đồ số 3, thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 145507 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 27/5/2011...*

*Ngoài ra bản án tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.*

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông H1 kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã không đánh giá khách quan, tuyên án trái ngược với thực tế, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngân hàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông H1.

Ông H1 có ý kiến: Bà N và anh Huy, chị Huế, chị Hậu vắng mặt, đề nghị Tòa án xử vắng mặt những người này; Ông H1 xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi và cách tính lãi của ngân hàng là đúng, ông chỉ xin Ngân hàng được trả dần mỗi tháng từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng và miễn tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn.

Anh Sáng đồng ý với ý kiến của ông H1 và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được ký kết đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác đơn kháng cáo của ông H1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Về án phí: ông H1 phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông H1 được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng S với ông H1, bà N phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1824700135 ngày 05/9/2018 nên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ tại thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1] – Về nợ gốc:

Xét Hợp đồng tín dụng số LD1824700135 ngày 05/09/2018 theo phương thức cấp hạn mức tín dụng; Số tiền vay là 3.600.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ số 9, 10, 11, 12, 13, 14 giữa Ngân hàng S với ông H1, bà N được các chủ thể có quyền tham gia ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không bị lừa dối, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng S đã giải ngân cho ông H1, bà N vay số tiền 3.600.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông H1, bà N chưa thanh toán được số tiền nợ gốc. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán nợ gốc 3.600.000.000 đồng của Ngân hàng là có căn cứ.

[2.2] – Về nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng số LD1824700135 ngày 05/09/2018 cùng các Giấy nhận nợ số 9, 10, 11, 12, 13, 14 giữa Ngân hàng S với ông H1, bà N, các bên đã thỏa thuận lãi suất vay, phương thức áp dụng theo quy định của ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng S đã cung cấp bảng tính lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên đến ngày 28/4/2020.

Ngân hàng S với ông H1, bà N đồng ý việc tính thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, thời điểm tính lãi quá hạn đến ngày 28/4/2020 và tính lãi sau tuyên từ thời điểm ngày 29/4/2020 và không có khiếu nại, thắc mắc gì.

Hội đồng xét xử thấy việc tính lãi của ngân hàng đúng với các điều khoản quy định trong hợp đồng mà các bên đã ký kết thỏa thuận, phù hợp với quy định

của pháp luật, nên giữ nguyên án sơ thẩm. Ông H1 và bà N phải thanh toán số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/4/2020 là 429.783.447 đồng.

**[2.3] – Về tài sản thế chấp:**

Xét hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 01/10/2015 giữa bên thế chấp là ông H1, bên nhận thế chấp là Ngân hàng S, lập tại Phòng Công chứng số 5 thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực thi hành. Vì vậy, trường hợp ông H1, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo thủ tục chung để thu hồi nợ như quyết định của án sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông H1 đề nghị được trả dần nợ gốc mỗi tháng từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng và miễn tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn. Ngân hàng S không đồng ý. Xét yêu cầu này của ông H1 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với những quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông H1.

Về án phí: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

***Từ những nhận định trên.***

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 351; Điều 353; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận kháng cáo của ông H1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông H1 và bà N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Tính đến hết ngày 28/4/2020, ông H1 và bà N còn nợ Ngân hàng S số tiền là: 4.029.783.447 đồng, cụ thể: nợ gốc: 3.600.000.000 đồng; nợ lãi: 429.783.447 đồng.

**2.** Buộc ông H1 và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến hết ngày 28/4/2020 là: 4.029.783.447 đồng.

Ông H1 và bà N phải tiếp tục chịu lãi tính từ ngày 29/4/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1824700135 ngày 05/9/2018; Giấy nhận nợ số 09 ngày 21/3/2019; Giấy nhận nợ số 10 ngày 10/4/2019; Giấy nhận nợ số 11 ngày 24/4/2019; Giấy nhận nợ số 12 ngày 02/5/2019; Giấy nhận nợ số 13 ngày 04/6/2019; Giấy nhận nợ số 14 ngày 24/6/2019 trên dư nợ gốc hợp đồng theo từng khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

**3.** Trường hợp ông H1 và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: 01 quyền sử dụng đất ở tại nông thôn và tài sản gắn liền, tại địa chỉ: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 145507 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/05/2011, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 1820.QĐ-UBND.2011 CH.00020.2011, cấp cho ông H1. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 570/2015/HĐTC lập ngày 01/10/2015 tại Phòng Công chứng số 5 thành phố Hà Nội, được sửa đổi bổ sung bởi các văn bản: Số 01 có số công chứng 369/2016/VBTT ngày 14/09/2016; Số 02 có số công chứng 389/2018/VBTT ngày 06/09/2018.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9



Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng S buộc ông H1 và bà N thanh toán chi phí thi hành án và các chi phí phát sinh khác.

**4. Về án phí sơ thẩm:**

Ông H1 và bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 112.029.783 đồng.

Ngân hàng S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là: 53.348.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015204 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

**5. Về án phí phúc thẩm:**

Ông H1 phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2018/0016195 ngày 19/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp Hà Nội;
- Chi Cục THADS huyện Đông Anh, tp Hà Nội;
- TAND huyện Đông Anh, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Tuấn**